

Bản án số: 77/2021/HS-ST

Ngày: 30 – 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Chúng – Giáo viên Trường THCS Phú Hội;

Bà Nguyễn Thị Lợi – Chủ tịch HLHPN xã Phú Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T, sinh năm 1994, tại An Phú, An Giang; ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965; anh, em ruột có 05 người, bị cáo là người lớn nhất; vợ: Nguyễn Thị N, có 01 con chung sinh năm 2019.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, không đi học ở nhà phụ giúp gia đình. Sống bằng việc làm thuê cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay;

Bị cáo có mặt.

2. Phạm Tất L (Đ), sinh ngày 09/8/2004, tại Tân Châu, An Giang; ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp T, xã TH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: không rõ, mẹ: Phạm Thị H; bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, không đi học ở nhà phụ giúp gia đình. Sống bằng việc làm thuê cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay;

Bị cáo có mặt.

Người Giám hộ cho bị cáo Phạm Tất L: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1942; cư trú: Ấp T, xã TH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (Là bà ngoại của L).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Tất L:* Ông Trần Phước Tài - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972; cư trú: Ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986;
2. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1940;
3. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1942;
4. Cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh năm 2010.

Người giám hộ cho cháu Nguyễn Thị Như Y: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1972; cư trú: Ấp V, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Là mẹ của cháu Y).

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo L có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 01/6/2021, Phạm Tất L đang ở nhà (ấp T, xã TH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang) thì Trương Văn T điện thoại nhờ L đến giúp chở đồ từ nhà của T tại ấp Vĩnh Ngừ, xã Vĩnh Hậu về nhà cha ruột tên Trương Văn S tại Khu dân cư ấp Vĩnh Ngừ, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú. L đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 65F7-0274 đến giúp T.

Xong việc, T và L mua rượu đem đến đường nội bộ cạnh nhà bà Nguyễn Thị Tuyết M (ngang cửa nhà ông S) ngồi uống. Trong lúc uống rượu thì T phát hiện nhà bà M cửa rào khóa nhưng cửa chính chưa khóa hẳn nên nảy sinh ý định lẻn vào nhà bà M tìm tài sản chiếm đoạt. T rủ L cùng thực hiện, ban đầu L không đồng ý, T rủ đến lần thứ ba thì L đồng ý.

Để thực hiện, L đem xe mô tô BKS 65F7-0274 đi cất giấu rồi đi bộ quay trở lại nhà bà M. Khi L quay lại thì T đưa cho L 01 cây dao (loại dao Thái Lan; dài 23cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại sắc bén dài 11cm, trên mặt lưỡi dao có chữ “KIWI – BRAND STAINLESS STEEL”). Sau khi L nhận lấy dao xong thì kéo áo đang mặc che lại mặt, rồi trèo qua rào vào nhà bà M theo lối hàng rào bên phải (hướng từ đường nhìn vào nhà bà M), còn T đứng bên ngoài cảnh giới. L vào mở cửa vào nhà bà M qua khe hở chưa khép ở cửa chính. L lấy tay trái đỡ bụng bà M trong tư thế quỳ chân phải, chân trái ngồi xổm, hướng ngồi trên đầu bà M. Liền ngay đó, L cầm dao trên tay phải kề vào cổ bà M, còn tay trái thì bịt miệng bà M uy hiếp. Lúc này bà M giật mình nên dùng tay trái chụp lưỡi dao đưa ra xa, đồng thời dùng chân đạp L ngã ra khỏi bụng và truy hô “Cướp, cướp”.

Sợ bị người khác phát hiện nên L bỏ chạy theo hướng hàng rào trước nhà. Khi đến cạnh hàng rào thì L ném cây dao đang cầm ra đường rồi trèo hàng rào bỏ chạy theo hướng bên trái nhà bà M. Sau đó, L đến khu vực đã cất giấu xe mô tô BKS 65F7-0274 lấy xe điều khiển về nhà.

Riêng T khi nghe bà M truy hô thì đi tới phía trước xem tình hình thì thấy L ném cây dao ra đường nên nhặt lấy cây dao, rồi bỏ chạy và ném cây dao tại khu vực lu nước sau nhà của T. Sau đó, T đi bộ ngược lại nhà bà M để thăm dò. Sau khi thấy bà M không phát hiện gì thì T về nhà ông Sơn ngủ đến sáng.

Đến 05 giờ 40 phút ngày 02/6/2021, bà M đến Công an xã Vĩnh Hậu trình báo. Qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với L và T.

Theo Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 76/ĐT ngày 11/6/2021 của Trung Tâm Pháp Y – Sở Y Tế Cần Thơ, xác định: Phạm Tất L có độ tuổi từ 17 tuổi đến 17 tuổi 06 tháng (tại thời điểm giám định ngày 11/6/2021)

Ngày 12/6/2021, Trương Văn T và Phạm Tất L bị khởi tố điều tra.

Cáo trạng số 54/CT-VKSAP-HS ngày 16/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Trương Văn T và Phạm Tất L (Được) về tội “*Cướp tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Do cha của T là hàng xóm của bà M, nên T sợ trực tiếp đột nhập sẽ bị bà M phát hiện. T đưa dao và kêu L đột nhập nhà bà M. T là người yêu cầu L đem xe mô tô BKS 65F7-0274 đi cất giấu và kéo áo che mặt để tránh bị phát hiện. Khi đưa cây dao cho L thì T không nói cụ thể để làm gì và L cũng không hỏi gì thêm. Cả hai đều thừa nhận sử dụng con dao nhằm mục đích uy hiếp bà M để nhanh chóng chiếm đoạt tiền.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt:

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Tuyết M: Tối ngày 01/6/2021 rạng sáng 02/6/2021, bà M nằm ngủ trong phòng tại nhà cùng con gái tên Nguyễn Thị Như

Y. Bà M nằm ngủ trong tư thế quay đầu ra đường. Do trời nóng nên bà không khóa hẳn cửa chính. Khi bị L dùng dao khống chế, bà M dùng tay trái đẩy ra thì bị thương tích ở ngón cái, tiếp tục bà dùng chân đạp vào bụng của L văng ra thì L cầm dao bỏ chạy. Do trước khi sự việc xảy ra thì bà có nghe tiếng của T nói chuyện tại khu vực trước nhà của bà, nên sau khi sự việc xảy ra bà nghi vấn T có liên quan đến sự việc.

Qua sự việc, xét thấy thương tích không đáng kể nên bà M có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường gì.

Lời khai của những người làm chứng trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Trong lời luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Tất L đồng phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đề nghị Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 54, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Tất L từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo T xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L. Bởi nguyên nhân bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội là do lỗi rủ rê của bị cáo T.

Quan điểm của người bào chữa: Thống nhất tội danh, khung hình phạt theo truy tố của Viện kiểm sát. Thống nhất mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L. Đề nghị Hội đồng xét xử đặc biệt quan tâm hoàn cảnh xuất thân của bị cáo, từ nhỏ sống với ngoại, không biết cha là ai, nên thiếu tình thương và sự dạy dỗ. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do sự xúi dục, rủ rê của bị cáo T. Từ đó đề nghị cho bị cáo L được nhận mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

[1.2] Về việc vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa, bị hại và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ, Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo không có ý kiến về các lời khai này. Xét việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, và những người làm chứng. Căn cứ vào lời khai, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể cùng ngày 02/6/2021 của Công an huyện An Phú và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 01/6/2021, bị cáo Trương Văn T và bị cáo Phạm Tất L bàn bạc đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Tuyết M tại ấp Vĩnh Ngừ, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú với mục đích chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T đứng bên ngoài canh giới, bị cáo L đã sử dụng con dao dài 23cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi sắc bén dài 11cm đột nhập vào nhà kẻ vào cổ và dùng tay bịt miệng bà M uy hiếp. Bà M phát hiện chống cự, truy hô, L, T bỏ chạy nên chưa chiếm đoạt được tài sản.

Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, sử dụng vũ khí là con dao sắc nhọn kẻ cổ uy hiếp tinh thần bà M nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe và tài sản của công dân. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*” được quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm d khoản 2 “sử dụng vũ khí”. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Trương Văn T, Phạm Tất L theo Cáo trạng số 54/CT-VKSAP-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Đây là vụ án có đồng phạm, bị cáo T và bị cáo L có sự câu kết, phân công trách nhiệm và cùng hướng tới mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại là bà M. Việc không chiếm đoạt được tài sản của bị hại là ngoài ý muốn của các bị cáo. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của đồng phạm khác gây ra.

Các bị cáo là những người còn rất trẻ, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý cùng thực hiện. Nguyên nhân các

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, lợi dụng bị hại là nữ giới, đêm khuya, cửa nhà không khóa. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo cũng rất đơn giản, chỉ vì muốn có tiền mua rượu nhậu. Tuy nhiên, hành vi sử dụng vũ khí là con dao bén, nhọn để uy hiếp, không chế bị hại của bị cáo L là hết sức nguy hiểm, thể hiện sự manh động, liều lĩnh và gây hoang man trong quần chúng Nhân dân. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Trong vụ án này, bị cáo T với vai trò là người khởi xướng ý định chiếm đoạt tài sản của bà M, bị cáo là người chuẩn bị và đưa dao cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L là người thực hiện. Xét bị cáo T là người có vai trò chính yếu, nên hình phạt đối với bị cáo T là cao hơn so bị cáo L.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T là người đã trưởng thành, có hành vi lôi kéo, rủ rê bị cáo L là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều mới lần đầu phạm tội, chưa chiếm đoạt được tài sản, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T là lao động chính, có con còn nhỏ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, từ nhỏ đã thiếu sự nuôi dưỡng, dạy dỗ của cha, mẹ (không biết cha là ai, bị cáo ở với bà ngoại). Từ đó cũng ảnh hưởng nhân cách, lối sống của bị cáo. Do đó bị cáo L còn được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại Điều 91, Điều 101 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo L có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố. Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân từng bị cáo, nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Thống nhất với quan điểm Kiểm sát viên là các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại. Khi bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội có gây thương tích nhẹ cho bà M. Tuy nhiên bà M từ chối cầu giám định và cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng còn lại trong vụ án được xử lý như sau:

- 01 (một) cây dao (kiểu dao Thái Lan) dài 23cm; cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại sắc bén dài 11cm; trên mặt lưỡi dao có chữ “KIWI – BRAND STAINLESS STEEL” là hung khí các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) áo thun, tay dài, màu xám và 01 (một) quần đùi màu xanh; 01 (một) áo thun, tay dài, màu xanh và 01 (một) quần Jean màu đen, là tài sản cá nhân của các bị cáo mà Cơ quan điều tra thu giữ phục vụ cho việc điều tra. Tại phiên tòa, các bị cáo có yêu cầu nhận lại, nên trả lại cho các bị cáo.

- 01 (một) xe mô tô, số máy VME152FMHC111542, số khung RMEWCHMME8A111542, màu sơn đen, biển kiểm soát 65F7 – 0274 là của bị cáo L. Tuy nhiên L không chứng minh được nguồn gốc, không có giấy tờ chứng minh theo biển kiểm soát đăng ký. Do đó cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme, IMEI 1 355007093748768, IMEI 2 355007097748776 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, bề kính màn hình, Made in China Model M2006C3LG (đã qua sử dụng) là của các bị cáo. Xét không liên quan tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phạm Tất L (Đ) đồng phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự ,

Xử phạt bị cáo Trương Văn T 07(bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/6/2021 (*Ngày ba tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

2.2 Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 17, 38, 54, 58, 91, 101 Bộ luật Hình sự ,

Xử phạt bị cáo Phạm Tất L (Đ) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/6/2021 (*Ngày ba tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi một*).

3. Xử lý vật chứng:

Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao (kiểu dao Thái Lan) dài 23cm; cán gỗ dài 12cm, lưỡi kim loại sắc bén dài 11cm; trên mặt lưỡi dao có chữ “KIWI – BRAND STAINLESS STEEL”.

- Tuyên trả lại cho,

+ Bị cáo Trương Văn T 01 (một) áo thun, tay dài, màu xanh; 01 (một) quần Jean màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, bề kính màn hình, Made in China Model M2006C3LG đã qua sử dụng

+ Bị cáo Phạm Tất L 01 (một) áo thun, tay dài, màu xám và 01 (một) quần đùi màu xanh đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động hiệu Forme, IMEI 1 355007093748768, IMEI 2 355007097748776 đã qua sử dụng.

- Tuyên tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô, số máy VME152FMHC111542, số khung RMEWCHMME8A111542, màu sơn đen, biển kiểm soát 65F7 – 0274.

(Theo biên Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Tất L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Trương văn T và Phạm Tất L. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2021). Thời hạn kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Tuyết M là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (1);
- THA DS huyện An Phú (1);
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo (2);
- Người giám hộ b/c L (1);
- Bị hại (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .